

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế Thi đua, Khen thưởng tỉnh Cao Bằng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 121/2005/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2005 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-VPCP ngày 31 tháng 7 năm 2007 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thực hiện Nghị định số 121/2005/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2005 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 559/TTr-SNV ngày 16 tháng 6 năm 2009,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này Quy chế Thi đua, Khen thưởng tỉnh Cao Bằng.

Điều 2. Ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ tỉnh Cao Bằng có trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, cơ quan Đảng và Đoàn thể tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị, xã, phường, thị trấn; Giám đốc các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Lô Ích Giang

QUY CHẾ

Thi đua, Khen thưởng tỉnh Cao Bằng

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1268/2009/QĐ-UBND
ngày 18 tháng 6 năm 2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định nội dung thi đua, tổ chức các phong trào thi đua, tiêu chuẩn các danh hiệu thi đua; các hình thức, đối tượng, tiêu chuẩn khen thưởng; thẩm quyền quyết định khen thưởng; trình tự thủ tục, hồ sơ đề nghị khen thưởng; quyền lợi và nghĩa vụ của cá nhân, tập thể được khen thưởng; quỹ thi đua, khen thưởng; xử lý các vi phạm về thi đua, khen thưởng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đối tượng thi đua: công dân Việt Nam; các cơ quan Nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội – nghề nghiệp, tổ chức xã hội, nghề nghiệp, tổ chức kinh tế thuộc các thành phần kinh tế, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân; người Việt Nam ở nước ngoài, người nước ngoài, cơ quan tổ chức nước ngoài và các tổ chức quốc tế ở Việt Nam.

2. Đối tượng khen thưởng: các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này, có thành tích đều được khen thưởng theo quy định của Luật Thi đua, Khen thưởng và được khen thưởng theo quy định tại Quy chế này.

Điều 3. Nguyên tắc thi đua, khen thưởng

1. Nguyên tắc thi đua: tự nguyện, tự giác, công khai; đảm bảo tinh thần đoàn kết, hợp tác và cùng phát triển. Việc xét tặng các danh hiệu thi đua phải căn cứ vào phong trào thi đua, mọi cá nhân, tập thể tham gia phong trào thi đua đều phải có đăng ký thi đua, xác định mục tiêu, chỉ tiêu thi đua; không đăng ký thi đua sẽ không được xem xét, công nhận các danh hiệu thi đua.

2. Nguyên tắc khen thưởng: chính xác, công khai, công bằng, kịp thời; một hình thức khen thưởng có thể tặng nhiều lần cho một đối tượng; bảo đảm tính

thống nhất giữa tính chất, hình thức và đối tượng khen thưởng; kết hợp chặt chẽ động viên tinh thần với khuyến khích bằng lợi ích vật chất. Khen thưởng phải đảm bảo thành tích đến đâu, khen thưởng đến đó; không nhất thiết phải theo trình tự có hình thức khen thưởng mức thấp rồi mới được khen thưởng mức cao hơn; thành tích đạt được trong điều kiện khó khăn và có phạm vi ảnh hưởng càng lớn thì được xem xét và đề nghị khen thưởng với mức cao hơn; quan tâm khen thưởng tập thể nhỏ và cá nhân là chính.

Điều 4. Trách nhiệm của cơ quan quản lý Nhà nước về công tác thi đua khen thưởng

1. Căn cứ vào nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm và 5 năm của tỉnh để tham mưu, đề xuất về chủ trương, nội dung, chương trình, kế hoạch, biện pháp thi đua.

2. Phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các đoàn thể và các cơ quan ban, ngành trên địa bàn tỉnh đẩy mạnh công tác tuyên truyền vận động, hướng dẫn, tổ chức các phong trào thi đua và kiểm tra việc thực hiện.

3. Tổng hợp tình hình, tham mưu sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua, nhân rộng các điển hình tiên tiến; đề xuất khen thưởng và kiến nghị những vấn đề có liên quan chưa phù hợp nhằm không ngừng đổi mới công tác thi đua, khen thưởng.

Điều 5. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, đơn vị phát động phong trào thi đua

Tổ chức phong trào thi đua gắn với lao động sản xuất, học tập, công tác và chiến đấu của từng đơn vị. Cơ quan, tổ chức, đơn vị phát động thi đua có trách nhiệm tổ chức các hoạt động thiết thực để động viên, khích lệ mọi cá nhân, tập thể tự giác, hăng hái cống hiến sức lực, trí tuệ phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện công tác thi đua, có tổ chức sơ kết, tổng kết đồng thời phổ biến, tuyên truyền, khích lệ, biểu dương các gương điển hình tiên tiến, nhằm động viên mọi người tích cực tham gia phong trào thi đua, tạo ra khí thế thi đua sôi nổi, lành mạnh giữa cá nhân, tập thể.

Điều 6. Trách nhiệm của các cơ quan thông tin đại chúng

Thường xuyên tuyên truyền công tác thi đua, khen thưởng; phổ biến, nêu gương các điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt; cổ động phong trào thi đua; phát hiện các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua; đấu tranh, phê phán các hành vi vi phạm pháp luật về thi đua, khen thưởng.

Chương II

THI ĐUA VÀ DANH HIỆU THI ĐUA

Điều 7. Hình thức tổ chức thi đua

1. *Thi đua thường xuyên* là hình thức thi đua căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao của cá nhân, tập thể để tổ chức phát động thi đua, nhằm thực hiện tốt nhất công việc hàng ngày, hàng tháng, hàng quý, hàng năm tại cơ quan, đơn vị và địa phương.

Đối tượng thi đua thường xuyên được áp dụng giữa các cá nhân trong một tập thể, giữa các tập thể trong một đơn vị và giữa các đơn vị có chức năng, nhiệm vụ, tính chất công việc giống nhau hoặc gần giống nhau.

Thi đua thường xuyên tổ chức theo khối thi đua. Hàng năm, các cơ quan, đơn vị, địa phương có đăng ký nội dung thi đua, tổ chức ký kết giao ước thi đua trong khối. Kết thúc năm công tác, tiến hành tổng kết, bình xét, xếp hạng và đề nghị khen thưởng các danh hiệu thi đua trên cơ sở có đăng ký thi đua.

2. *Thi đua theo đợt, thi đua theo chuyên đề* là hình thức thi đua nhằm hoàn thành tốt những nhiệm vụ trọng tâm, đột xuất trong một thời gian nhất định hoặc giải quyết những công việc khó khăn, bức xúc, những việc còn yếu kém, tồn đọng hoặc những công việc mà đông đảo các tầng lớp nhân dân có nguyện vọng giải quyết. Thi đua theo đợt chỉ được tổ chức, phát động khi đã xác định rõ yêu cầu, mục tiêu, chỉ tiêu và thời gian thực hiện cho từng chuyên đề, nhằm đạt được nội dung, nhiệm vụ cụ thể đã đề ra.

Tùy theo mục tiêu, nội dung thi đua theo đợt đề ra để tổ chức, phát động thi đua với phạm vi và quy mô thích hợp (trong một tập thể, đơn vị, địa phương hoặc hướng ứng đợt thi đua chung của ngành, đợt thi đua chung toàn quốc), hình thức tổ chức, phát động thi đua thiết thực, đa dạng, phong phú có sức thuyết phục, động viên đông đảo quần chúng hăng hái tham gia, tích cực thi đua. Cá nhân, tập thể hoàn thành sớm mục tiêu thi đua (về đích trước) được biểu dương, khen thưởng kịp thời.

Điều 8. Phát động thi đua

Việc phát động và chỉ đạo phong trào thi đua thực hiện theo quy định tại Điều 18 Luật Thi đua, Khen thưởng.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phát động và chỉ đạo phong trào thi đua trong phạm vi toàn tỉnh.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã, giám đốc sở, thủ trưởng cơ quan ban, ngành, đoàn thể có liên quan phát động, chỉ đạo phong trào thi đua trong phạm vi cơ quan, ngành, địa phương, tổ chức, đơn vị mình phụ trách.

Hàng năm, Ban Thi đua – Khen thưởng, Sở Nội vụ có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan, đơn vị tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về nội dung thi đua và tổ chức phong trào thi đua trong phạm vi toàn tỉnh.

Điều 9. Nội dung tổ chức phong trào thi đua

3. Nội dung tổ chức phong trào thi đua phải đảm bảo tính khoa học, thực tiễn và có tính khả thi; phải xác định rõ mục tiêu, phạm vi, đối tượng và nội dung thi đua nhằm đạt được các chỉ tiêu trong từng phong trào thi đua.

Căn cứ đặc điểm, tính chất công việc, nghề nghiệp, phạm vi và đối tượng tham gia thi đua để có hình thức tổ chức, phát động từng phong trào cho sát hợp; quan tâm công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức, phát huy tinh thần trách nhiệm, ý thức tự giác của cán bộ, công chức, viên chức, công nhân và quần chúng lao động; đa dạng hóa các hình thức thi đua; chống mọi biểu hiện phô trương, hình thức trong thi đua.

Triển khai các biện pháp tổ chức vận động thi đua, theo dõi quá trình tổ chức thi đua, tổ chức chỉ đạo điểm để rút kinh nghiệm và phổ biến các kinh nghiệm tốt trong các đối tượng tham gia thi đua.

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức thành viên của Mặt trận và các tổ chức xã hội khác có trách nhiệm tuyên truyền, động viên và phối hợp với các cơ quan Nhà nước để tổ chức các phong trào thi đua.

Tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả phong trào thi đua. Đối với những đợt thi đua dài ngày, có tổ chức sơ kết giữa đợt để rút kinh nghiệm, kết thúc đợt thi đua có tổng kết đánh giá kết quả; tiến hành bình xét công khai, dân chủ và đề nghị tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng kịp thời cho những tập thể, cá nhân tiêu biểu, xuất sắc để cổ vũ, động viên phong trào.

2. Căn cứ định hướng lãnh đạo của Đảng, kế hoạch của chính quyền, hướng dẫn, chỉ đạo của cơ quan chuyên môn cấp trên và tình hình thực tế đơn vị, địa phương mà xây dựng chương trình hành động, xây dựng nội dung các tiêu chí thi đua và bảng thang điểm phù hợp. Tổ chức nghiêm túc cho cá nhân, tập thể

đăng ký tham gia thi đua hàng năm. Trong ký kết giao ước thi đua, phải gửi bản đăng ký tham gia thi đua cho cơ quan quản lý trực tiếp và ngành chuyên môn cấp trên.

3. Thực hiện đúng Quy chế về tổ chức và hoạt động của khối thi đua. Chấp hành tốt chế độ sơ kết, tổng kết, báo cáo, bình xét và đề nghị khen thưởng dân chủ, chính xác, công khai, công bằng, kịp thời.

Điều 10. Trình tự thực hiện công tác thi đua

1. Đối với Ủy ban nhân dân tỉnh

- Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch tổ chức các phong trào thi đua của tỉnh; theo dõi, kiểm tra, kịp thời phát hiện, bồi dưỡng, tổng kết mô hình mới, điển hình tiên tiến để biểu dương, khen thưởng, phổ biến học tập; đồng thời uốn nắn những yếu kém trong quá trình tổ chức chỉ đạo các phong trào thi đua;

- Hàng năm, Ủy ban nhân dân tỉnh phát động phong trào thi đua hoàn thành kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, các nhiệm vụ do Trung ương giao và các phong trào thi đua chuyên đề do các cơ quan, đơn vị tham mưu đề xuất.

- Đăng ký giao ước thi đua với Cụm thi đua và với Chính phủ;

- Tổng kết, bình xét khen thưởng cho cá nhân và tập thể trong từng đợt thi đua và tổng kết năm; đề nghị Chính phủ khen thưởng cho các tập thể, cá nhân có thành tích đặc biệt xuất sắc.

2. Đối với các cơ quan, đơn vị

- Căn cứ chương trình nhiệm vụ do cấp trên giao và chức năng nhiệm vụ theo quy định, các cơ quan đơn vị xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch, phát động thi đua từ đầu năm; gắn kế hoạch thi đua của cơ quan, đơn vị với các phong trào thi đua của ngành, tỉnh và Trung ương;

- Tổ chức cho cá nhân, tập thể đăng ký tham gia thi đua; thành lập Hội đồng Khoa học cơ sở (Hội đồng Sáng kiến) có cơ cấu, thành phần hợp lý;

- Theo dõi, kiểm tra, kịp thời phát hiện, bồi dưỡng, tổng kết mô hình mới, điển hình tiên tiến để biểu dương, khen thưởng, phổ biến học tập; đồng thời uốn nắn những yếu kém trong quá trình tổ chức chỉ đạo các phong trào thi đua;

- Tổng kết, bình chọn và đề nghị khen thưởng cho cá nhân và tập thể trong từng đợt thi đua và tổng kết năm;

3. Thời gian đăng ký tham gia thi đua

- Các sở, ban ngành, đoàn thể, huyện, thị đăng ký giao ước thi đua với tỉnh: trước ngày 30 tháng 01 hàng năm (gửi về Ban Thi đua – Khen thưởng, Sở Nội vụ tổng hợp).

- Tỉnh đăng ký giao ước thi đua với Chính phủ và Cụm thi đua các tỉnh biên giới phía Bắc trước ngày 01 tháng 3 hàng năm.

Điều 11. Hoạt động của các khối giao ước thi đua

Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập các khối giao ước thi đua vào đầu năm. Các khối thi đua xây dựng Quy chế tổ chức và hoạt động của khối thi đua; bầu Trưởng khối và phó trưởng khối để điều hành hoạt động của khối.

Các khối thi đua có trách nhiệm xây dựng kế hoạch công tác, nội dung phong trào thi đua giữa các đơn vị thành viên của khối để phân đấu thực hiện hoàn thành và hoàn thành vượt mức nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đơn vị.

Mỗi năm, các khối thi đua tiến hành kiểm tra chéo 02 lần để đánh giá tình hình thực hiện công tác thi đua, khen thưởng của các đơn vị trong khối, chấm điểm, bình xét, suy tôn một đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua của khối đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Cờ Thi đua; đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng danh hiệu thi đua cho các tập thể có thành tích xuất sắc trong năm.

Chương III

ĐỐI TƯỢNG, HÌNH THỨC VÀ TIÊU CHUẨN DANH HIỆU THI ĐUA

Điều 12. Các danh hiệu thi đua

Danh hiệu thi đua là hình thức để ghi nhận, biểu dương, tôn vinh cá nhân, tập thể có thành tích trong các phong trào thi đua. Danh hiệu thi đua được xét công nhận hàng năm hoặc theo đợt.

1. Danh hiệu thi đua đối với cá nhân gồm: Chiến sĩ thi đua toàn quốc; Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh; Chiến sĩ thi đua cơ sở; Lao động tiên tiến; Chiến sỹ tiên tiến.

2. Danh hiệu thi đua đối với tập thể gồm: Cờ thi đua của Chính phủ; Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh; Tập thể Lao động xuất sắc; Đơn vị Quyết thắng; Tập thể Lao động tiên tiến; Đơn vị tiên tiến.

3. Danh hiệu Văn hóa gồm: Làng văn hóa; Tổ dân phố văn hóa; Gia đình văn hóa; Cơ quan văn hoá; Đơn vị văn hoá.

Điều 13. Căn cứ xét tặng danh hiệu thi đua

1. Phong trào thi đua;
2. Đăng ký tham gia thi đua;
3. Thành tích thi đua;
4. Tiêu chuẩn danh hiệu thi đua.

Mục 1

ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN CÁC DANH HIỆU THI ĐUA

Điều 14. Đối tượng và tiêu chuẩn danh hiệu Lao động tiên tiến; Chiến sỹ tiên tiến

1. Đối tượng: là các cá nhân được chọn trong số những người hoàn thành tốt nhiệm vụ, có đăng ký tham gia thi đua đầu năm.

2. Tiêu chuẩn:

- Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đạt năng suất và chất lượng cao (bao gồm hoàn thành số lượng và chất lượng các công việc được giao đạt năng suất, chất lượng và hiệu quả cao);

- Chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; có tinh thần tự lực, tự cường, đoàn kết, tương trợ, tích cực tham gia các phong trào thi đua;

- Tích cực học tập chính trị, văn hóa, chuyên môn, nghiệp vụ;

- Có đạo đức, lối sống lành mạnh.

* Người lao động ở các cơ sở kinh tế ngoài quốc doanh, xã viên hợp tác xã nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ ... gương mẫu chấp hành tốt chủ trương,

chính sách, pháp luật của Nhà nước; có đạo đức, lối sống lành mạnh, đoàn kết, tương trợ, tích cực tham gia các phong trào thi đua lao động sản xuất, hoạt động xã hội và lao động có năng suất cao thì đơn vị cấp trực tiếp quản lý xét tặng danh hiệu Lao động tiên tiến.

* Trường hợp người lao động từ đơn vị khác chuyển đến (chuyển ®i)

Các trường hợp chuyển công tác, đơn vị mới có trách nhiệm xem xét, bình bầu danh hiệu Lao động tiên tiến trên cơ sở có ý kiến nhận xét của đơn vị cũ. Trường hợp cá nhân có thời gian làm việc từ 10 tháng trở lên (trong năm) trước khi có quyết định chuyển công tác thì đơn vị cũ xem xét bình bầu danh hiệu Lao động tiên tiến.

* Các trường hợp dưới đây không thuộc diện xem xét, bình bầu danh hiệu Lao động tiên tiến, Chiến sỹ tiên tiến:

- Tổng số ngày nghỉ trong năm từ 40 ngày trở lên (không tính phép năm và các ngày nghỉ tuần, lễ, tết theo quy định);

- Cán bộ, công chức, viên chức được cử đi học có điểm trung bình các môn thi trong năm dưới 7,0 điểm;

- Có khuyết điểm, vi phạm pháp luật;

- Người lao động mới tuyển dụng có thời gian công tác chưa đủ 10 tháng.

3. Thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; Giám đốc sở, ban, ngành và tương đương; Thủ trưởng cơ quan Đảng, đoàn thể, tổ chức xã hội, tổ chức nghề nghiệp, các cơ quan Trung ương đóng tại địa phương; Giám đốc các doanh nghiệp...

Điều 15. Đối tượng và tiêu chuẩn danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở

1. Đối tượng: là cá nhân đạt danh hiệu Lao động tiên tiến; Chiến sỹ tiên tiến.

2. Tiêu chuẩn:

- Đạt danh hiệu Lao động tiên tiến; Chiến sỹ tiên tiến.

- Có sáng kiến, cải tiến kỹ thuật hoặc áp dụng công nghệ mới để tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả công tác, hoặc mưu trí, sáng tạo trong chiến đấu và phục vụ chiến đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc.

3. Thẩm quyền quyết định khen thưởng: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; Giám đốc sở, ban, ngành và tương đương; Thủ trưởng cơ quan Đảng, đoàn thể, tổ chức xã hội, tổ chức nghề nghiệp, các cơ quan Trung ương đóng tại địa phương.

Điều 16. Đối tượng và tiêu chuẩn danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh

1. Đối tượng và tiêu chuẩn

- Là cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong số những cá nhân có 3 lần liên tục đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở.

- Có sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, áp dụng công nghệ mới hoặc giải pháp, sáng kiến, cải tiến lề lối làm việc, cải cách thủ tục hành chính, nâng cao năng suất lao động, hiệu quả sản xuất công tác của cơ quan, đơn vị; phải được Hội đồng Khoa học (Hội đồng Sáng kiến) cấp cơ sở công nhận (việc thành lập Hội đồng Sáng kiến do thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định) và có phạm vi ảnh hưởng trong toàn tỉnh.

2. Thẩm quyền quyết định khen thưởng: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 17. Đối tượng và tiêu chuẩn các danh hiệu Chiến sĩ thi đua toàn quốc được xét tặng cho cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong số những cá nhân có 2 lần liên tục đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh, thành tích của cá nhân đó có ảnh hưởng trong phạm vi toàn quốc.

- Thẩm quyền quyết định khen thưởng: Thủ tướng Chính phủ.

Điều 18. Đối tượng và tiêu chuẩn danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến; Đơn vị tiên tiến

1. Đối tượng: bao gồm các tập thể sau:

- *Đối với lĩnh vực sản xuất kinh doanh*: là các đơn vị cơ sở và tập thể trực thuộc cơ sở, như: công ty, xí nghiệp, phòng, tổ, đội, phân xưởng...

- *Đối với cơ quan hành chính Nhà nước*: cơ quan văn phòng Ủy ban nhân dân, cơ quan văn phòng các sở, ban, ngành; các phòng, ban chuyên môn thuộc các sở, ban, ngành cấp tỉnh; các phòng, ban chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; các xã, phường, thị trấn; công an xã, ban bảo vệ dân phố...

- *Đối với đơn vị sự nghiệp*: là trường học, bệnh viện và các đơn vị trực thuộc, như: khoa, phòng, tổ bộ môn...

- *Đối với cơ quan Đảng và đoàn thể*: là cơ quan Văn phòng cấp uỷ các cấp; các ban Đảng và tương đương các cấp; các phòng, ban chuyên môn thuộc Văn phòng cấp uỷ và các ban Đảng cấp tỉnh...

2. Tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến, Đơn vị tiên tiến bao gồm 04 tiêu chuẩn sau:

- Hoàn thành tốt nhiệm vụ và kế hoạch được giao;
- Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, có hiệu quả;
- Có trên 50% cá nhân trong tập thể đạt danh hiệu Lao động tiên tiến và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;
- Nội bộ đoàn kết, chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước;

Tập thể lao động tiên tiến, Đơn vị tiên tiến là tập thể tiêu biểu được lựa chọn trong số các tập thể hoàn thành nhiệm vụ.

3. Thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; Giám đốc sở, ban, ngành và tương đương; Thủ trưởng cơ quan Đảng, đoàn thể, tổ chức xã hội, tổ chức nghề nghiệp, các cơ quan Trung ương đóng tại địa phương.

Điều 19. Đối tượng và tiêu chuẩn danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc; Đơn vị Quyết thắng

1. Đối tượng: là tập thể quy định tại khoản 1 Điều 18.

2. Tiêu chuẩn: là tập thể đạt danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến, Đơn vị tiên tiến và đạt 04 tiêu chuẩn sau:

- Sáng tạo, vượt khó, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, thực hiện tốt các nghĩa vụ đối với Nhà nước;
- Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả;
- Có 100% cá nhân trong tập thể hoàn thành nhiệm vụ được giao, trong đó có ít nhất 70% cá nhân đạt danh hiệu Lao động tiên tiến, Chiến sỹ tiên tiến;

- Có cá nhân đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;

- Nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước;

3. Thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 20. Đối tượng và tiêu chuẩn các danh hiệu Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Đối tượng được tặng Cờ Thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh: là huyện, thị, xã, phường, thị trấn, sở, ban, ngành, trường học, công ty, xí nghiệp...

2. Tiêu chuẩn được xét tặng Cờ Thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh là tập thể dẫn đầu toàn diện các phong trào thi đua trong mỗi khối thi đua và đạt 03 tiêu chuẩn sau:

- Hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ được giao trong năm; đạt được tổng số điểm thi đua từ 95 điểm trở lên (theo thang điểm 100);

- Có nhân tố mới, mô hình mới để các tập thể khác trong phạm vi tỉnh học tập;

- Nội bộ đoàn kết, tích cực thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng và các tệ nạn xã hội khác;

Việc xét tặng Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện theo kế hoạch phát động thi đua hàng năm của Ủy ban nhân dân tỉnh và căn cứ vào tiêu chuẩn, kết quả chấm điểm thi đua, xét chọn và suy tôn của các khối thi đua.

3. Thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 21. Đối tượng và tiêu chuẩn các danh hiệu Cờ thi đua của Chính phủ được xét tặng cho tập thể tiêu biểu xuất sắc trong từng lĩnh vực, ngành nghề toàn quốc, khu vực, cụm thi đua, dẫn đầu toàn diện các phong trào thi đua và đạt các tiêu chuẩn sau :

- Có thành tích, hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ được giao trong năm; là tập thể tiêu biểu xuất sắc trong toàn quốc;

- Có nhân tố mới, mô hình mới tiêu biểu cho cả nước học tập;

- Nội bộ đoàn kết, đi đầu trong việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng và các tệ nạn xã hội khác.

Việc bình xét và đề nghị tặng Cờ thi đua của Chính phủ thực hiện theo Kế hoạch phát động thi đua hàng năm của Ủy ban nhân dân tỉnh và căn cứ vào tiêu chuẩn, kết quả chấm điểm thi đua, xét chọn và suy tôn của các khối thi đua.

2. Thẩm quyền quyết định khen thưởng: Chính phủ.

Mục 2

ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN CÁC DANH HIỆU VĂN HOÁ

Điều 22. Đối tượng và tiêu chuẩn danh hiệu Cơ quan, Đơn vị văn hoá

1. Đối tượng: là các đơn vị đạt các tiêu chuẩn thi đua của Ban Chỉ đạo tỉnh về cuộc vận động “Toàn dân xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở”.

2. Tiêu chuẩn danh hiệu Cơ quan văn hoá; Đơn vị văn hoá

- Môi trường cảnh quan xanh, sạch, đẹp luôn phát triển cây xanh bóng mát;

- Xây dựng cơ quan, đơn vị an toàn tuyệt đối;

- Xây dựng tổ chức cơ sở Đảng trong sạch, vững mạnh; tổ chức đoàn thể vững mạnh;

- Thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước, tích cực tham gia các cuộc vận động, các phong trào và các hoạt động ở địa phương;

- Giữ vững kỷ luật, kỷ cương trong cơ quan, đơn vị, trường học; phát huy tinh thần lao động, sáng tạo, hợp tác giúp đỡ nhau làm việc với năng suất cao; đạt 80% trở lên số cán bộ, công chức, viên chức đạt danh hiệu lao động giỏi và chiến sĩ thi đua cơ sở, số còn lại hoàn thành nhiệm vụ. Không có công chức, viên chức bị thi hành kỷ luật trong năm, không có người mắc các tệ nạn xã hội;

- Quan hệ chặt chẽ với cơ sở, quần chúng nhân dân, không gây phiền hà sách nhiễu trong quan hệ quần chúng và trong công tác, thực hiện cải cách hành chính có hiệu quả;

- Thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, đoàn kết nội bộ, tích cực đấu tranh góp ý phê và tự phê bình, kiên quyết chống tệ nạn quan liêu, tham nhũng, lãng phí tài sản công và các biểu hiện tiêu cực khác;

- Bảo vệ bí mật quốc gia;

- Thường xuyên tổ chức các hoạt động văn hoá - văn nghệ, thể thao, góp phần nâng cao đời sống tinh thần và rèn luyện thể chất;

- Tích cực tham gia phong trào quần chúng bảo vệ an ninh tổ quốc; tham gia xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh.

3. Thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Điều 23. Đối tượng và tiêu chuẩn danh hiệu Làng văn hoá, Tổ dân phố văn hóa

1. Tiêu chuẩn làng, tổ dân phố văn hoá, bao gồm các tiêu chuẩn sau:

- Đời sống kinh tế ổn định và từng bước phát triển;

- Đời sống văn hóa tinh thần lành mạnh, phong phú;

- Môi trường cảnh quan sạch, đẹp;

- Chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước;

- Có tinh thần đoàn kết, tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau trong cộng đồng.

- Đạt 70% số gia đình được công nhận danh hiệu Gia đình văn hóa.

2. Thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Điều 24. Đối tượng và tiêu chuẩn danh hiệu Gia đình văn hóa tặng cho hộ tiêu biểu, đạt các tiêu chuẩn sau:

- gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; tích cực tham gia các phong trào thi đua của địa phương nơi cư trú;

- Gia đình hòa thuận, hạnh phúc, tiến bộ; tương trợ giúp đỡ mọi người trong cộng đồng;

- Tổ chức lao động, sản xuất, kinh doanh, công tác, học tập đạt năng suất, chất lượng và hiệu quả.

Việc xét chọn và đề nghị công nhận danh hiệu Gia đình văn hóa được tiến hành thông qua cuộc họp xóm, tổ dân phố (khu dân cư) bình xét trên cơ sở các tiêu chuẩn và bản đăng ký từ đầu năm của từng hộ; tránh hình thức trong bình chọn và tiến hành theo đại trà sẽ không kích thích phong trào thi đua.

- Thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

Chương IV

HÌNH THỨC, ĐỐI TƯỢNG VÀ TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG

Điều 25. Hình thức khen thưởng

1. Huân chương: Huân chương Sao vàng; Huân chương Hồ Chí Minh; Huân chương Độc lập (hạng nhất, hạng nhì, hạng ba); Huân chương Quân công (hạng nhất, hạng nhì, hạng ba); Huân chương Lao động (hạng nhất, hạng nhì, hạng ba); Huân chương Bảo vệ Tổ quốc (hạng nhất, hạng nhì, hạng ba); Huân chương Chiến công (hạng nhất, hạng nhì, hạng ba); Huân chương Đại đoàn kết dân tộc; Huân chương Dũng cảm; Huân chương Hữu nghị.

2. Huy chương: Huy chương Quân kỳ quyết thắng; Huy chương Vì an ninh Tổ quốc; Huy chương Chiến sĩ vẻ vang (hạng nhất, hạng nhì, hạng ba); Huy chương Hữu nghị.

3. Danh hiệu vinh dự Nhà nước: Danh hiệu tinh Anh hùng; Bà mẹ Việt Nam Anh hùng; Anh hùng Lực lượng vũ trang Nhân dân; Anh hùng Lao động; Nhà giáo Nhân dân, Nhà giáo ưu tú; Thầy thuốc Nhân dân, Thầy thuốc ưu tú; Nghệ sĩ nhân dân, Nghệ sĩ ưu tú; Nghệ nhân nhân dân; Nghệ nhân ưu tú.

4. Giải thưởng: Giải thưởng Hồ Chí Minh; Giải thưởng Nhà nước.

5. Kỷ niệm chương, Huy hiệu.

6. Bằng khen: Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ; Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

7. Giấy khen: Giấy khen của giám đốc sở, thủ trưởng cơ quan ban, ngành, cơ quan Đảng, đoàn thể tỉnh, Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, giám đốc doanh nghiệp Nhà nước, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị, huyện (sau đây gọi

là UBND cấp huyện), Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là UBND cấp xã).

Điều 26. Căn cứ xét khen thưởng

1. Tiêu chuẩn khen thưởng;
2. Phạm vi, mức độ ảnh hưởng của thành tích;
3. Trách nhiệm và hoàn cảnh cụ thể lập được thành tích.

Điều 27. Tiêu chuẩn các hình thức khen thưởng Giấy khen

1 Tiêu chuẩn

a) Tiêu chuẩn tặng Giấy khen cho cá nhân: bao gồm các tiêu chuẩn sau:

- Hoàn thành tốt nhiệm vụ, nghĩa vụ công dân;
- Có phẩm chất, đạo đức tốt; đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước;
- Thường xuyên học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

b) Tiêu chuẩn tặng Giấy khen cho tập thể, bao gồm các tiêu chuẩn sau:

- Hoàn thành tốt nhiệm vụ;
- Nội bộ đoàn kết, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, tổ chức tốt các phong trào thi đua;
- Chăm lo đời sống vật chất, tinh thần trong tập thể; thực hành tiết kiệm;
- Thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với mọi thành viên trong tập thể.

c) Thẩm quyền tặng thưởng: Giấy khen của Giám đốc sở, thủ trưởng cơ quan ban, ngành, cơ quan đảng và đoàn thể tỉnh, Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp Nhà nước, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

Việc tặng thưởng Giấy khen được tiến hành thường xuyên, kịp thời cho các cá nhân, tập thể hoàn thành tốt nhiệm vụ ngay sau khi kết thúc đợt thi đua ngắn ngày, đợt thi đua theo chuyên đề hoặc hoàn thành một hạng mục công trình và do thủ trưởng cơ quan, đơn vị quản lý trực tiếp xem xét, quyết định tặng thưởng.

Điều 28. Tiêu chuẩn các hình thức khen thưởng Bằng khen

1. Đối tượng, tiêu chuẩn đối với tập thể

a) Đối tượng được xét tặng là Ủy ban nhân dân các huyện, thị, cơ quan văn phòng các sở, ban, ngành, các tổ chức đoàn thể; các phòng, ban chuyên môn trực thuộc sở, ban, ngành và tương đương; trường học, bệnh viện và các đơn vị trực thuộc; công ty, xí nghiệp, tổ đội, phân xưởng...

b) Tiêu chuẩn được xét tặng Bằng khen là những tập thể đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

b.1) Tập thể hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ được giao trong năm; đạt được tổng số điểm thi đua từ 85- 94 điểm trở lên (theo thang điểm 100); Có nhân tố mới, mô hình mới để các tập thể khác trong phạm vi tỉnh học tập; Nội bộ đoàn kết, tích cực thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng và các tệ nạn xã hội khác;

b.2) Tập thể đạt 02 lần liên tục danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc” hoặc “Đơn vị Quyết thắng” và đạt các tiêu chuẩn sau:

- Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ;

- Nội bộ đoàn kết, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, tích cực hưởng ứng các phong trào thi đua;

- Bảo đảm đời sống vật chất, tinh thần trong tập thể; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; phòng, chống tham nhũng;

- Thực hiện tốt các chế độ, chính sách đối với mọi thành viên trong tập thể;

- Tổ chức Đảng, đoàn thể trong sạch, vững mạnh.

b.3) Tập thể lập được thành tích xuất sắc thực hiện nhiệm vụ, được bình xét trong các phong trào thi đua theo đợt, theo chuyên đề do sở, ban ngành, đoàn thể, thị, huyện, thị phát động.

2. Tiêu chuẩn đối với cá nhân:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen cho cá nhân đạt một trong 02 tiêu chuẩn sau:

a. Cá nhân đạt 02 lần liên tục danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” và đạt các tiêu chuẩn sau:

- Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và nghĩa vụ công dân;
- Có phẩm chất đạo đức tốt; đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước;
- Tích cực học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

b. Cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hoặc những cá nhân lập được thành tích xuất sắc được bình xét trong các phong trào thi đua theo đợt, theo chuyên đề do sở, ban ngành, đoàn thể, huyện, thị phát động, hoặc có thành tích đột xuất...

3. Tặng Bằng khen khen phong trào, khen đột xuất:

Khen tặng các cá nhân, tập thể có thành tích được bình xét trong các phong trào thi đua hoặc lập thành tích đột xuất...

Giao Ban Thi đua – Khen thưởng, Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với giám đốc sở, thủ trưởng cơ quan ban, ngành liên quan thống nhất việc quy định cụ thể về tiêu chuẩn xét khen thưởng đối với cá nhân, tập thể trong phong trào thi đua trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

Điều 29. Tiêu chuẩn các hình thức khen cao (do Thủ tướng Chính Phủ, Chính phủ và Chủ tịch nước quyết định)

1. Tiêu chuẩn các hình thức khen cao:

- Căn cứ vào tiêu chuẩn quy định và thành tích đạt được của tập thể và cá nhân để xét và đề nghị hình thức, mức khen cho phù hợp;

- Đối với tập thể có quy mô lớn, nhiều đơn vị thành viên nhưng không thuộc đối tượng xét tập thể Lao động tiên tiến, tập thể Lao động xuất sắc, tặng Cờ thi đua hàng năm, thì tập thể đó phải căn cứ vào thành tích của các đơn vị thành viên để xem xét, đề nghị tặng Huân chương Lao động các hạng, Huân chương Độc lập các hạng; Huân chương Hồ Chí Minh; Huân chương Sao vàng.

2. Thời gian từ lần khen thưởng trước đến thời điểm đề nghị lần khen thưởng tiếp theo phải tuân thủ quy định của Luật Thi đua, Khen thưởng. Trường hợp đề nghị khen thưởng sớm hơn thời gian quy định phải là trường hợp đặc biệt (có văn bản trình và nêu rõ thành tích mới xuất sắc, có tác dụng lớn, phạm vi ảnh hưởng rộng, thật sự tiêu biểu để các cơ quan, đơn vị, địa phương học tập).

3. Huân chương, Huy chương các loại; Danh hiệu vinh dự Nhà nước; các Giải thưởng; Kỷ niệm chương và Huy hiệu; Bằng khen Thủ tướng Chính phủ: thực hiện theo quy định tại các điều khoản của Luật Thi đua, Khen thưởng, Nghị định số 121/2005/NĐ-CP của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn của Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương.

Điều 30. Quy trình xét khen thưởng

1. Bình chọn công khai, dân chủ; tiến hành từ dưới lên; phát huy vai trò của Hội đồng Thi đua – Khen thưởng các cấp;

- Các bước tiến hành: báo cáo thành tích trước, bình chọn sau; bình chọn cá nhân trước, tập thể sau; danh hiệu thi đua trước, hình thức khen thưởng sau; hình thức thấp, mức khen thấp tiến hành trước; hình thức cao, mức khen cao hơn tiến hành sau.

Cá nhân, tập thể trong năm công tác, tùy theo tính chất và mức độ thành tích đạt được mà có thể xem xét công nhận hoặc đề nghị cấp trên công nhận một hoặc nhiều danh hiệu thi đua. Danh hiệu thi đua thấp là cơ sở để bình xét và đề nghị công nhận danh hiệu thi đua cao hơn.

Cá nhân, tập thể trong năm công tác, tùy theo tính chất và mức độ thành tích đạt được mà có thể xem xét đề nghị một hình thức khen thưởng hoặc một mức khen nhất định. Hình thức, mức khen thấp là cơ sở để xét và đề nghị hình thức, mức khen cao hơn (không đề nghị cùng một thời điểm, một đối tượng, một thành tích ở 2 cấp khen cùng một hình thức).

Thành tích đạt được đến mức nào thì xét và đề nghị khen mức đó, không nhất thiết trình tự từ thấp đến cao hoặc lần khen sau hoặc mức khen phải cao hơn lần khen trước.

Chương V

THỦ TỤC, HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ KHEN THƯỞNG

Điều 31. Tuyển trình khen

3. Cấp nào quản lý về tổ chức, cán bộ và quỹ lương thì cấp đó có trách nhiệm trình cấp trên khen thưởng đối với các đối tượng thuộc phạm vi quản lý;

Cấp nào chủ trì phát động các đợt thi đua theo chuyên đề, khi tổng kết lựa chọn các điển hình, thì cấp đó khen thưởng và trình cấp trên khen thưởng.

2. Khen thưởng Huân chương bậc cao, khen thưởng cán bộ thuộc đối tượng do Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý thực hiện theo Thông báo số 193-TB/TW ngày 20 tháng 9 năm 2005 của Bộ Chính trị.

3. Đối với tập thể và cá nhân thuộc các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp thực hiện nguyên tắc: cấp nào quản lý về tổ chức, cán bộ và quỹ lương thì cấp đó khen thưởng, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp khen thưởng hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp đề nghị cấp trên khen thưởng.

4. Đối với tập thể và cá nhân tại đơn vị kinh tế ngoài quốc doanh, công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty liên doanh... trên nguyên tắc cấp nào quyết định thành lập tổ chức, quyết định cổ phần hóa thì cấp đó khen thưởng và trình cấp trên khen thưởng. Riêng đối với các liên doanh có vốn đầu tư nước ngoài hoặc 100% vốn đầu tư nước ngoài, trụ sở công ty, doanh nghiệp đóng trên địa bàn địa phương nào thì địa phương đó khen thưởng và trình cấp trên khen thưởng.

Điều 32. Về hiệp y khen thưởng

Hiệp y khen thưởng là hình thức lấy thông tin của các cơ quan, địa phương có liên quan để có thêm căn cứ xác định trước khi quyết định khen thưởng các danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng cấp Nhà nước.

- Trường hợp khen cao đối với cá nhân là lãnh đạo các cơ quan Trung ương đóng tại địa phương và là Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh phải được sự đồng ý của Ban Thường vụ Tỉnh ủy mới đủ điều kiện trình khen.

- Khi có văn bản hiệp y khen thưởng của Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương: Ban Thi đua – Khen thưởng, Sở Nội vụ tham mưu trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về văn bản hiệp y đối với các cơ quan, đơn vị Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh.

- Khi xét khen đối với các doanh nghiệp, hiệp hội, hội v.v... đóng trên địa bàn tỉnh: Ban Thi đua – Khen thưởng, Sở Nội vụ có trách nhiệm đề nghị các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của các đơn vị nêu trên, Ủy ban nhân dân địa phương nơi có trụ sở các đơn vị nêu trên, Cục Thuế (nếu là đơn vị kinh tế, doanh nghiệp v.v...) có ý kiến hiệp ý khen thưởng.

Nội dung hiệp ý: xác nhận về việc chấp hành các chế độ, chính sách của Đảng và Nhà nước, xây dựng tổ chức Đảng, đoàn thể theo tiêu chuẩn trong sạch, vững mạnh, thực hiện nghĩa vụ công ích với địa phương, nghĩa vụ nộp thuế (nếu có).

- Đối với các cá nhân, tập thể tham gia hoạt động từ thiện, hoạt động công ích mà lập thành tích xuất sắc v.v... Ban Thi đua – Khen thưởng, Sở Nội vụ có trách nhiệm đề nghị các cơ quan quản lý Nhà nước liên quan đến tổ chức hoạt động đó có ý kiến nhận xét, đánh giá về thành tích cống hiến, công sức đóng góp nổi trội, xuất sắc cho lĩnh vực, hoạt động đó của cá nhân, tập thể đó.

Điều 33. Hồ sơ, thủ tục trình khen

1. Hồ sơ đề nghị tặng thưởng Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh, Tập thể Lao động xuất sắc, Đơn vị Quyết thắng, Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh và Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, gồm 2 bộ chính:

- Đề nghị khen thưởng của lãnh đạo địa phương, thủ trưởng đơn vị có cá nhân, tập thể được xét khen thưởng;

- Biên bản họp xét của Hội đồng Thi đua – Khen thưởng cấp trình khen;

- Biên bản họp xét của Hội đồng Sáng kiến cấp trình khen (nêu rõ các sáng kiến, cải tiến kỹ thuật hoặc các giải pháp của các cá nhân được đề nghị Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh) hoặc xác nhận của cơ quan quản lý có thẩm quyền;

- Tóm tắt thành tích (có xác nhận của cấp trình khen).

(Trường hợp đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Cờ Thi đua, hồ sơ đề nghị cần có Biên bản của khối thi đua và Tờ trình của Trưởng khối).

2. Hồ sơ đề nghị khen cao:

a) Đề nghị tặng Cờ thi đua của Chính phủ, gồm 4 bộ chính:

- Tờ trình của của lãnh đạo địa phương, thủ trưởng đơn vị gửi Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Ban Thi đua – Khen thưởng, Sở Nội vụ) (kèm theo danh sách);

- Biên bản bình xét và kết quả bỏ phiếu đề nghị của Hội đồng Thi đua – Khen thưởng các địa phương hoặc đơn vị;

- Báo cáo thành tích của tập thể được đề nghị (có xác nhận của cấp trình khen);

- Báo cáo tóm tắt thành tích (không quá 02 trang);

Trường hợp là đơn vị doanh nghiệp phải báo cáo theo nội dung quy định và kèm theo giấy xác nhận của Thủ trưởng cơ quan thuế về tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế của đơn vị tương ứng với khoảng thời gian đề nghị khen thưởng.

b) Đề nghị tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua toàn quốc, gồm 4 bộ chính:

- Tờ trình của của lãnh đạo địa phương, thủ trưởng đơn vị gửi Ủy ban nhân dân tỉnh – Ban Thi đua – Khen thưởng, Sở Nội vụ (kèm theo danh sách);

- Biên bản bình xét và kết quả bỏ phiếu kín của Hội đồng Thi đua – Khen thưởng các địa phương, đơn vị;

- Báo cáo thành tích cá nhân đề nghị tặng danh hiệu (có xác nhận của cấp trình khen);

- Tóm tắt thành tích không quá 02 trang.

Trường hợp cá nhân được đề nghị công nhận Chiến sĩ thi đua toàn quốc là Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh phải được sự đồng ý của Thường trực Tỉnh ủy (do Hội đồng Thi đua – Khen thưởng tỉnh lập thủ tục);

c) Đề nghị tặng thưởng Huân chương, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, gồm 4 bộ chính:

- Tờ trình của của lãnh đạo địa phương, thủ trưởng đơn vị gửi Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Ban Thi đua – Khen thưởng, Sở Nội vụ), kèm theo danh sách;

- Biên bản bình xét và kết quả bỏ phiếu của Hội đồng Thi đua – Khen thưởng địa phương, đơn vị;

- Báo cáo thành tích các trường hợp đề nghị khen thưởng (có xác nhận của cấp trình khen);

- Báo cáo tóm tắt thành tích (không quá 02 trang).

Trường hợp cá nhân, tập thể được đề nghị khen thưởng do có sáng kiến, phát minh, sáng chế ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ... phải có xác nhận của cơ quan quản lý có thẩm quyền.

Trường hợp đề nghị tặng Huân chương, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ cho cá nhân thuộc diện Ban thường vụ Tỉnh uỷ quản lý phải được sự đồng ý của Thường trực Tỉnh uỷ (do Hội đồng Thi đua – Khen thưởng lập thủ tục); trường hợp là cán bộ chủ chốt của đơn vị kinh tế hoặc đơn vị kinh tế thì phải báo cáo theo nội dung được quy định.

d) Trình khen thành tích quá trình cống hiến, gồm 04 bộ chính:

- Tờ trình của lãnh đạo địa phương, thủ trưởng đơn vị gửi Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Thi đua – Khen thưởng, Sở Nội vụ (kèm theo danh sách);

- Biên bản cuộc họp Hội đồng Thi đua – Khen thưởng địa phương, đơn vị;

- Bản sao lý lịch, có xác nhận của cơ quan quản lý cán bộ;

- Tóm tắt thành tích (các chức vụ đã đảm nhiệm, thời gian giữ chức vụ) do cá nhân hoặc cơ quan báo cáo (có xác nhận của cơ quan, tổ chức các cấp);

đ) Trình tặng Huy chương các loại: Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 121/2005/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2005 của Chính phủ.

e) Trình tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước: Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 121/2005/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2005 của Chính phủ.

g) Hồ sơ trình khen theo thủ tục đơn giản: Khen thưởng phục vụ yêu cầu chính trị, kịp thời động viên, khích lệ quần chúng; lập thành tích xuất sắc, đột xuất trong chiến đấu, công tác, lao động và học tập, gồm 02 bộ chính:

- Tờ trình của cấp trình khen (nếu liên quan lĩnh vực hoạt động nào thì cần có ý kiến hiệp ý của cơ quan, đơn vị quản lý Nhà nước về lĩnh vực đó);

- Bản tóm tắt thành tích của cá nhân trực tiếp lập thành tích, ghi rõ hành động, thành tích, công trạng (có xác nhận thành tích của cấp trình khen).

3. Thời hạn trình khen

a) Khen thưởng tổng kết năm thực hiện như sau:

- Đối với cấp cơ sở: kết thúc trước ngày 15 tháng 01 năm sau;

- Đối với cấp thị, huyện, sở, ban, ngành tỉnh kết thúc trước ngày 30 tháng 01 năm sau;

- Đối với cấp tỉnh chậm nhất đến ngày 28 tháng 02 năm sau.

b) Trình khen Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh, hồ sơ gửi trước ngày 30 tháng 01;

c) Trình khen Cờ thi đua của Chính phủ, hồ sơ gửi trước ngày 28 tháng 02 hàng năm.

d) Hồ sơ đề nghị khen cao đợt I, gửi trước ngày 28 tháng 02; đợt II, gửi trước ngày 30 tháng 7 hàng năm.

e) Hồ sơ trình khen của ngành Giáo dục và Đào tạo hoàn thành sau khi kết thúc năm học; trình khen cấp tỉnh và Cờ thi đua của Chính phủ (nếu có) trước ngày 30 tháng 7; trình các hình thức khen cao trước ngày 01 tháng 9.

4. Thủ tục trình khen:

Trình khen danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng nào thì báo cáo thành tích theo tiêu chuẩn danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng đó; trong mỗi hình thức khen phải đạt các tiêu chuẩn được quy định. Báo cáo thành tích phải có đủ căn cứ để đối chiếu với các tiêu chuẩn quy định của Luật Thi đua, Khen thưởng và Nghị định số 121/2005/NĐ-CP của Chính phủ.

Chương VI

QUỸ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Điều 34. Nguồn hình thành Quỹ thi đua, khen thưởng

Quỹ thi đua, khen thưởng được hình thành từ ngân sách Nhà nước; sự đóng góp của cá nhân và tổ chức trong nước, cá nhân và tổ chức nước ngoài và các nguồn thu hợp pháp khác.

1. Quỹ thi đua, khen thưởng của tỉnh, thị, huyện, xã, phường, thị trấn được hình thành từ ngân sách Nhà nước hàng năm với mức tối đa bằng 1% chi ngân sách thường xuyên của cấp mình. Quỹ thi đua, khen thưởng của mỗi cấp do Ủy ban nhân dân trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định.

2. Quỹ thi đua, khen thưởng của các sở, ban ngành, cơ quan, đơn vị, địa phương gồm ngân sách Nhà nước cấp trong định mức, được giao cùng với dự toán chi ngân sách hàng năm và nguồn đóng góp của cá nhân, tổ chức trong, ngoài nước và các nguồn thu hợp pháp khác.

3. Quỹ thi đua, khen thưởng của tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội:

- Nguồn hình thành:

+ Bố trí từ dự toán chi ngân sách Nhà nước đã được cấp có thẩm quyền giao hàng năm;

+ Nguồn đóng góp của các tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài cho mục đích thi đua khen thưởng (nếu có).

+ Từ các nguồn thu hợp pháp khác được phép trích (nếu có).

- Về bố trí từ dự toán chi ngân sách nhà nước cấp:

Hàng năm, căn cứ tính chất hoạt động và căn cứ vào kết quả thực hiện Quỹ thi đua, khen thưởng năm trước; dự kiến tổng mức chi thi đua, khen thưởng năm sau và căn cứ dự toán chi ngân sách đã được cấp có thẩm quyền giao, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội thống nhất ý kiến với cơ quan Tài chính để bố trí mức kinh phí cho Quỹ thi đua, khen thưởng trong dự toán chi ngân sách Nhà nước theo chế độ quy định.

Căn cứ vào mức kinh phí bố trí lập Quỹ thi đua, khen thưởng, tổ chức chính trị và tổ chức chính trị - xã hội phân bổ Quỹ thi đua, khen thưởng cho cấp mình quản lý và cho các đơn vị dự toán trực thuộc cho phù hợp.

4. Quỹ thi đua, khen thưởng của các đơn vị sự nghiệp công lập:

- Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm toàn bộ chi phí hoạt động thường xuyên: Thực hiện chi cho công tác thi đua, khen thưởng từ Quỹ khen thưởng được trích lập theo chế độ tài chính áp dụng cho đơn vị sự nghiệp và từ các

khoản đóng góp của các tổ chức, cá nhân cho mục đích thi đua, khen thưởng (nếu có).

- Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi phí hoạt động thường xuyên: được chi cho công tác thi đua, khen thưởng từ nguồn Quỹ thi đua, khen thưởng do cơ quan chủ quản cấp trên giao trong dự toán chi ngân sách Nhà nước, từ Quỹ khen thưởng được trích lập theo chế độ tài chính áp dụng cho đơn vị sự nghiệp và từ các khoản đóng góp của các tổ chức, cá nhân cho mục đích thi đua, khen thưởng (nếu có).

- Đối với đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách Nhà nước bảo đảm toàn bộ chi phí hoạt động thường xuyên: mức lập Quỹ thi đua, khen thưởng từ dự toán chi ngân sách Nhà nước đã được cấp có thẩm quyền giao dự toán và từ các khoản đóng góp của các tổ chức, cá nhân cho mục đích thi đua, khen thưởng (nếu có).

5. Đối với các tổ chức chính trị xã hội – nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội – nghề nghiệp đang được ngân sách Nhà nước hỗ trợ bảo đảm chi hoạt động thường xuyên cho số biên chế được cấp có thẩm quyền giao; mức trích lập Quỹ thi đua, khen thưởng từ kinh phí do ngân sách Nhà nước hỗ trợ tối đa không quá 15% quỹ tiền lương ngạch bậc của số biên chế được cấp có thẩm quyền giao.

Đối với các tổ chức chính trị xã hội – nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội – nghề nghiệp khác, mức trích lập Quỹ thi đua, khen thưởng do các tổ chức này tự quyết định từ nguồn tài chính của mình và từ nguồn đóng góp của cá nhân, tổ chức trong nước, nước ngoài và từ các nguồn thu hợp pháp khác.

6. Quỹ thi đua, khen thưởng của các doanh nghiệp được trích từ quỹ khen thưởng của đơn vị theo quy định hiện hành đối với doanh nghiệp.

Điều 35. Sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng

1. Chi cho in các loại giấy chứng nhận, giấy khen, bằng khen, khung khen, làm huy hiệu, cờ thi đua.

2. Chi thưởng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng cho tập thể và cá nhân theo chế độ quy định.

3. Nguyên tắc thưởng tiền hoặc tặng phẩm

- Danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cao hơn thì mức thưởng cao hơn;

- Trong cùng một hình thức, cùng một mức khen, tiền thưởng tập thể cao hơn cá nhân;

- Trong cùng một thời điểm, cùng một thành tích, cùng một đối tượng khen thưởng nếu đạt được các danh hiệu và hình thức khen thưởng khác nhau thì chỉ nhận tiền thưởng (hoặc tặng phẩm) đối với mức thưởng cao nhất.

* Về tiền thưởng kèm theo danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng, nay hướng dẫn cụ thể như sau:

Trong cùng một thời điểm, cùng một thành tích của một đối tượng nếu đạt nhiều danh hiệu thi đua kèm theo các mức tiền thưởng khác nhau thì chỉ nhận mức tiền thưởng cao nhất.

Trong một thời điểm, một đối tượng đạt nhiều danh hiệu thi đua, các danh hiệu đó do thời gian để đạt được thành tích khác nhau thì được nhận tiền thưởng của các danh hiệu.

4. Người Việt Nam ở nước ngoài, cá nhân và tập thể người nước ngoài được khen các danh hiệu thi đua, các hình thức khen thưởng và kèm theo tặng phẩm lưu niệm.

Điều 36. Quản lý Quỹ thi đua, khen thưởng tỉnh

3. Kinh phí Quỹ thi đua, khen thưởng tỉnh hàng năm trích từ dự toán chi thường xuyên của ngân sách, để chi thường đột xuất, chi hỗ trợ kinh phí thường một số phong trào, chi in giấy chứng nhận, bằng khen, làm khung, cờ đối với các hình thức khen thưởng do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định trên cơ sở tham mưu, đề xuất của Ban Thi đua – Khen thưởng, Sở Nội vụ; căn cứ quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính cấp tiền thưởng cho các đơn vị thực hiện.

Hàng năm, Ban Thi đua – Khen thưởng, Sở Nội vụ phối hợp Sở Tài chính tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giao định mức Quỹ thi đua, khen thưởng tỉnh. Căn cứ định mức Quỹ thi đua, khen thưởng được giao, đơn vị quản lý Quỹ thi đua, khen thưởng có trách nhiệm cân đối, bảo đảm chi thường đúng theo quy định hiện hành.

2. Thủ trưởng cơ quan cấp nào ra quyết định khen thì cấp đó chịu trách nhiệm chi tiền thưởng từ nguồn tiền thưởng do cấp mình hoặc đơn vị quản lý.

Tiền thưởng kèm theo các quyết định khen thưởng của Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước do Ủy ban nhân dân tỉnh trình khen được chi từ Quỹ thi đua, khen thưởng của tỉnh.

Chương VII

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CÔNG TÁC THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Điều 37. Sở Nội vụ có trách nhiệm tham mưu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Ban hành các quy định pháp luật về thi đua, khen thưởng thuộc thẩm quyền;
2. Xây dựng chính sách về thi đua, khen thưởng;
3. Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn và tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng;
4. Tổ chức, phát động phong trào thi đua trong phạm vi toàn tỉnh;
5. Sơ kết, tổng kết; đánh giá hiệu quả công tác thi đua, khen thưởng;
6. Chủ trì, phối hợp Sở Ngoại vụ tham mưu lĩnh vực thi đua, khen thưởng liên quan người nước ngoài hoạt động trên địa bàn tỉnh;
7. Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định pháp luật về thi đua, khen thưởng;
8. Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức làm công tác thi đua, khen thưởng;
9. Thẩm định các hồ sơ, báo cáo thành tích đề nghị xét khen cấp tỉnh và trình Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị khen cao và chịu trách nhiệm pháp lý đối với các hồ sơ đó.

Điều 38. Trách nhiệm của cơ quan chuyên môn và cán bộ, tổ chức làm công tác thi đua, khen thưởng

- Tham mưu giúp Thủ trưởng cơ quan về kế hoạch phát động thi đua; cụ thể hóa chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về công tác thi đua khen thưởng ở cơ quan, đơn vị mình; theo dõi, kiểm tra, đánh giá kết quả công tác, mức độ hoàn thành nhiệm vụ, chỉ tiêu công tác trong năm hoặc từng đợt thi đua trong phạm vi phụ trách.

- Kết thúc đợt thi đua, hướng dẫn các bộ phận thực hiện đúng quy định để việc xét và đề nghị khen thưởng được chính xác, công bằng, đúng thành tích, đối tượng giữa các tập thể trong đơn vị; chủ động đề xuất kế hoạch khen thưởng (hình thức, mức khen, số lượng khen tập thể, cá nhân cho từng bộ phận của đơn vị) và thông qua Hội đồng Thi đua – Khen thưởng.

- Giúp Ủy ban nhân dân các cấp, thủ trưởng cơ quan, đơn vị lãnh đạo tốt công tác bình xét và đề nghị khen thưởng đúng nguyên tắc, chế độ quy định, tạo động lực thúc đẩy mạnh mẽ các phong trào thi đua phát triển liên tục, bền vững;

- Hoàn thành hồ sơ, thủ tục báo cáo Hội đồng Thi đua – Khen thưởng cùng cấp; Hội đồng Thi đua – Khen thưởng thực hiện việc bình xét công khai, dân chủ từng trường hợp, biểu quyết (phải có ít nhất 70% số lượng thành viên Hội đồng Thi đua – Khen thưởng dự họp đồng ý) thì mới lập thủ tục trình khen;

Điều 39. Quản lý hồ sơ thi đua, khen thưởng

- Ban Thi đua – Khen thưởng, tổ chức làm công tác thi đua – khen thưởng quản lý hồ sơ các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cùng cấp trở lên và toàn bộ hồ sơ khác liên quan đến công tác thi đua, khen thưởng của tỉnh theo quy định. Cuối mỗi năm, phải thực hiện việc nộp hồ sơ lưu trữ theo quy định của pháp luật.

- Hồ sơ thi đua, khen thưởng quản lý tại các đơn vị do thủ trưởng cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm tổ chức, quản lý, lưu trữ theo quy định.

Chương VIII

XỬ LÝ VI PHẠM, KHIẾU NẠI, TỐ CÁO

Điều 40. Kiểm tra công tác thi đua – khen thưởng

1. Hội đồng Thi đua – Khen thưởng tỉnh, Ban Thi đua – Khen thưởng, Sở Nội vụ có trách nhiệm kiểm tra công tác thi đua – khen thưởng tại các đơn vị trong phạm vi toàn tỉnh.

2. Thủ trưởng các đơn vị có trách nhiệm kiểm tra công tác thi đua, khen thưởng tại các đơn vị trong phạm vi cơ quan, đơn vị mình quản lý.

Điều 41. Xử lý vi phạm

1. Việc cá nhân kê khai thành tích sai sự thật, thủ trưởng cơ quan, đơn vị xác nhận thành tích sai sự thật để được khen thưởng sẽ bị xử lý theo Điều 77 tại Nghị định số 121/2005/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2005 của Chính phủ.

2. Ban Thi đua – Khen thưởng, tổ chức, cán bộ làm công tác thi đua, khen thưởng của Ủy ban nhân dân cùng cấp có trách nhiệm kiểm tra, nếu phát hiện thì lập thủ tục trình Ủy ban nhân dân cùng cấp, thủ trưởng đơn vị ra quyết định hủy bỏ quyết định khen thưởng, thu hồi hiện vật khen thưởng và chế độ được hưởng; tùy theo tính chất, mức độ vi phạm đề xuất trình Ủy ban nhân dân cùng cấp xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm đối với những người có liên quan và cá nhân đã kê khai, báo cáo thành tích sai sự thật.

Nếu phát hiện cá nhân được tặng thưởng Danh hiệu vinh dự Nhà nước mà vi phạm pháp luật, bị Tòa án kết án tù (có bản án) thì Ban Thi đua – Khen thưởng, Sở Nội vụ có trách nhiệm làm thủ tục trình Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị cấp thẩm quyền tước Danh hiệu vinh dự Nhà nước.

Điều 42. Khiếu nại, tố cáo

1. Cá nhân, tổ chức có quyền khiếu nại, tố cáo về công tác thi đua, khen thưởng theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

2. Giám đốc sở, thủ trưởng cơ quan, ban ngành, đoàn thể, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm giải quyết khiếu nại, tố cáo về thi đua, khen thưởng thuộc thẩm quyền của mình theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

3. Ban Thi đua – Khen thưởng, Sở Nội vụ, tổ chức làm công tác thi đua, khen thưởng có trách nhiệm tiếp nhận, phối hợp các đơn vị chức năng có liên quan kiểm tra, xác minh, tham mưu cho Ủy ban nhân dân cùng cấp giải quyết các khiếu nại, tố cáo về công tác thi đua khen thưởng thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cùng cấp.

Chương IX

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 43. Giám đốc sở, thủ trưởng cơ quan, ban ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, các cơ quan, đơn vị và địa phương có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy chế này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh kịp thời về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Ban Thi đua – Khen thưởng tỉnh) để chỉ đạo, giải quyết./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Lô Ích Giang